

Chả Cá Lý Trần Quán

Posted on July 29, 2008 by hoanghaithuy

Sài Gòn, Thủ Đô Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa, có đặc điểm là “không người Việt nào biết cái tên Sài Gòn từ đâu mà ra, tại sao Sài Gòn lại có tên là Sài Gòn, Sài Gòn nghĩa là gì?” Nhiều người tìm hiểu nguồn gốc cái tên Sài Gòn, nhiều người giải nghĩa cái tên Sài Gòn, nhưng cho đến nay tất cả đều chỉ là giả thuyết — người cho Sài Gòn xuất từ cái tên Sai Pregor: Rừng Gòn của người Miên, người bảo Sài Gòn do tiếng Tây Cống: đất dâng cho Tây, của người Tàu, tiếng Tàu là Đề nghị — giả thuyết nào cũng khập khiễng, không có giả thuyết nào đáng tin.

Sau khi thực dân Pháp đến, nước ta mới có Sài Gòn. Người Pháp lập Thành phố Sài Gòn năm 1865. Chỉ mới 150 năm ta có Sài Gòn, lịch sử Việt đã mù mờ về cái tên Sài Gòn, nói chi đến vài trăm năm nữa. Nghìn năm sau sẽ không bao giờ người Việt Nam biết Sài Gòn nghĩa là gì, tại sao lại có tên Sài Gòn.

Đặc điểm thứ hai của Sài Gòn là tên những đường phố Sài Gòn, thoát đầu, đều do người Pháp đặt. Trước năm 1956, 1 triệu người Sài Gòn thì 1 triệu 574.890 người không biết những cái tên Charner, Bonard, Galliéni, Paul Blanchy, Colonel Boudonnet, Colonel Grimaud, Général Lizé, Kitchener, Jaureguiberry là ai, từng làm gì ở Sài Gòn, sống chết hồi nào. Tất cả những tên đường phố Sài Gòn — từ ngày có Sài Gòn đến Tháng 3, 1955 — đều là những tên người lạ hoắc.



Bè chuối

Bè chuối trôi sông. Tranh vẽ trong Bộ Tranh Oger. Paris

Ngày 22 Tháng Ba, năm 1955 Chính phủ Ngô Đình Diệm — khi ấy ông Ngô Đình Diệm còn là Thủ Tướng — làm cuộc đổi tên những đường phố Sài Gòn. Một Ủy ban lo việc đổi tên đường được thành lập ở Tòa Đô Chính Sài Gòn, thời ông Đô Trưởng Nguyễn Phú Hải. Tôi không biết thành viên ủy ban ấy là những ai, ai là Chủ tịch, tôi thấy ủy ban làm việc thật hay, lấy tên những danh nhân đặt tên cho những đường phố Sài Gòn thật đúng, công bằng, gần như không có thiếu sót, không có khuyết điểm nào đáng kể. Sẽ có nhiều trang SÀI GÒN VANG BÓNG viết về những tên đường Sài Gòn Xưa.

Việc đổi tên đường Sài Gòn là việc làm nói lên chuyện Sài Gòn trở thành thành phố của người dân Việt Nam. Trước năm 1956, Sài Gòn, với những tên đường toàn tên người Pháp, là của người Pháp. Nói cách khác, nhẹ hơn, trước năm 1956 người Pháp làm chủ Sài Gòn, từ năm 1956 Sài Gòn là của người Việt, Sài Gòn là thành phố của người Sài Gòn.

Từ Tháng Ba năm 1955, Sài Gòn có những đường *Hai Bà Trưng, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Lê Lai, Lê Thánh Tôn, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Huyền Trân Công Chúa, Nguyễn Du, Tản Đà, Tú Xương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Bình Khiêm, Trần Cao Vân, Phan Thanh Giản, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Cao Thắng,*

Đinh Công Tráng, Đồ Chiểu, Nguyễn Thái Học, Ký Con, Cô Giang, Cô Bắc, Bùi Thị Xuân, Bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Anh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Nguyễn An Ninh, Huỳnh Thúc Kháng, Tiểu La. Nhiều nữa, không thể kể hết trong một trang báo. Từ năm 1956 đến năm 1975, ta hỏi 1 triệu người Sài Gòn thì có 999.999 người biết những danh nhân được đặt tên đường đó là ai, từng làm gì cho đất nước, cho dân tộc; dân Sài Gòn quen biết, yêu kính những danh nhân ấy.

(...)

Tôi vừa kể ba đặc điểm của Sài Gòn:

1. Không ai biết tên Sài Gòn từ đâu ra, Sài Gòn nghĩa là gì.
2. Trong 25 năm hai lần Sài Gòn đổi tên đường: lần 1 năm 1955, lần 2 năm 1975.
3. Hai lần, thời Pháp bảo hộ, và thời Bắc Cộng đàn áp, bóc lột, người Sài Gòn không biết những nhân vật được đặt tên đường là ai, từng làm gì.

Hôm nay tôi chọn trong thành phố Sài Gòn trước 1975 hai đường:

1. Đường Lý Trần Quán, Tân Định, tên Pháp trước năm 1956 là đường Barbier.
2. Đường Lê Quí Đôn, Quận 3, tên Pháp trước năm 1956 là đường Barbé.

Mời quý vị đọc chuyện đời tư của hai nhân vật Lý Trần Quán, Barbé.

Năm xưa, năm xưa..

Chiều nay ở xứ người, nhớ lại, cứ tưởng như chiều hôm qua..

Rời cửa chợ Tân Định, tôi đi trên đường Trần Văn Thạch bên chợ. Bác sĩ Trần Văn Thạch bị Việt Minh, tên trước năm 1960 của bọn Việt Cộng ác ôn, bắn chết ở Sài Gòn năm 1945. Mãi đến năm 2007 ở Hoa Kỳ, nhờ Bác sĩ Trần Ngươn Phiêu kể trong hồi ký của ông, tôi mới biết (...) là tên giết ông Trần Văn Thạch. Thi sĩ Đinh Hùng ở đường Trần Văn Thạch từ năm 1956 đến sau ngày ông qua đời năm 1968, bà vợ ông dọn nhà sang ở bên Khánh Hội. Trước năm 1955 tên tiếng Pháp của đường Trần Văn Thạch, Tân Định, là đường Vassoigne.

Trên đường Trần Văn Thạch, qua rạp Xi-nê Moderne, tôi đến đường Lý Trần Quán, đường này từ đường Hiền Vương — tên tiếng Pháp là Mayer — đến đường Trần Văn Thạch, tên tiếng Pháp của đường Lý Trần Quán là đường Barbier.

Đây là chuyện về nhân vật Lý Trần Quán được ghi trong tác phẩm *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*:

Năm Bính Ngọ, quân Tây Sơn đánh vào thành Thăng Long. Đoan Nam Vương Trịnh Khải chạy lên Sơn Tây, bị bắt, dùng dao đâm cổ tự tử. Lý Trần Quán có can dự vào việc chúa Trịnh Khải bị bắt. Trước khi kể chuyện Lý Trần Quán-Trịnh Khải, tôi viết về tiếng “*Chúa*” trong ngôn ngữ Việt ta.

Người Tàu có hai tiếng “*đế*” và “*vương*”, ta theo người Tàu, dùng hai tiếng “*đế*, *vương*”, nhưng ta chỉ có một tiếng “*vua*” để gọi cả hai tiếng “*đế*, *vương*”; như đời Trần Vua là Hoàng Đế phong cho ông Trần Quốc Tuấn là Hưng Đạo Vương, đời Nguyễn Vua Tự Đức là Đại Nam Hoàng Đế, phong tước Vương cho các ông Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương. Tôi chắc tiếng “*Chúa*” có trong ngôn ngữ nước ta từ đời Vua Lê, Chúa Trịnh.

Vua Lê phong “*Vương*” cho các ông Tể Tướng họ Trịnh, dân không thể gọi Vua Lê là Vua mà cũng gọi các ông tước Vương họ Trịnh là Vua, nên dân gọi các ông Trịnh Vương là Chúa. “*Chúa*” là tiếng Việt của tiếng “*Chủ*”. Thiên Chủ — Chủ Trời — ta gọi là Thiên Chúa, Chủ nhật: Chúa nhật, Chủ Công — nôm na là Ông Chủ — các ông Việt dịch truyện Tam Quốc Chí gọi là “*Chúa Công*”. Tiếng Chúa có nhiều quyền uy hơn tiếng Chủ. “*Vắng Chúa nhà, gà mọc đuôi tôm*” nguyên là “*Vắng chủ nhà, gà mọc đuôi tôm*”. “*Vắng Chúa nhà*” nghe hay hơn là “*Vắng Chủ nhà*”. Như “*Ăn cơm Chúa, múa tối ngày, Bà Chúa đứt tay, ăn mày đổ ruột, Chồng Chúa, vợ tôi, Nợ như Chúa Chôm, Trạng chết Chúa cũng ra ma. Dưa gang đổ dít thì cà đổ trơn*.”

Cùng trường hợp đó, người Tàu có trâu và bò nhưng chỉ có một tiếng “*ngưu*” để gọi cả trâu và bò. Vì vậy người Tàu có tiếng thanh ngưu, thủy ngưu: ngưu xanh, ngưu nước để gọi trâu, có hoàng ngưu: ngưu vàng để gọi bò, bò lông màu vàng.

Đoan Nam Vương Trịnh Khải bỏ kinh đô Thăng Long, chạy lên Sơn Tây, Chúa không còn quân đội, chỉ còn một số người theo hầu. Lý Trần Quán đang giữ một chức quan ở Sơn Tây, ra đón Chúa, rồi sai một học trò của ông là Nguyễn Trang bảo vệ Chúa, đưa Chúa đi trốn. Ông không cho Nguyễn Trang biết người ông sai hấn đưa đi là Đoan Nam Vương. Trang bắt Chúa Trịnh giao cho quân Tây Sơn.

Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Truyện Sử. Ngô Gia Văn Phái viết.

Quán từ biệt Chúa, trở về nhà riêng. Còn Trang thì cùng bọn thủ hạ đi bảo vệ Đoan Nam Vương, nhưng Trang lại đưa Chúa về nhà riêng của hấn, tra hỏi Chúa:

— Ông là Đoan Nam Vương thì nói thực đi. Ông dấu tôi, có chuyện gì xảy ra, đừng trách tôi.

Chúa nói:

— Sao anh lại đoán xằng như vậy? Ta là quan Tham Tụng Bùi Huy Bích.

Trang nói:

— Ông đừng nói dối. Cái bộ điệu Chúa tôi nửa kín, nửa hở của các ông tôi thấy rồi. Ông mà không phải là Đoan Nam Vương thì còn là ai nữa. Chuyện đế vương còn mất là chuyện thường, tôi khuyên ông nên chịu hàng đi, cho đỡ khổ thân, trước sau gì ông cũng bị bắt.

Chúa nổi giận:

— Ta là Đại Nguyên Soái Đoan Nam Vương. Ta chết là do mệnh trời. Mày muốn làm gì thì làm.

Trang cho người đi báo với quân Tây Sơn. Tất cả những người đi theo Chúa đều bị bắt giữ.

Quán nghe tin có biến, đến chỗ Chúa bị giam giữ, quì lạy, rập đầu xuống đất, nói:

– Làm Chúa đến nỗi này là tội của tôi.

Chúa Trịnh an ủi:

– Khanh nào có tội gì.

Quán lạy rồi lui ra, nói với Trang:

– Chúa là Chúa chung của mọi người. Chúa là Chúa của ta mà cũng là Chúa của anh, ta là thầy học của anh, ta từng dạy anh vua tôi nghĩa lớn, sao anh nỡ phản Chúa?

Trang nói:

– Tại sao ông không cho tôi biết ông ấy là Đoan Nam Vương, nếu ông nói, tôi có thể từ chối việc ông bảo tôi làm. Nếu tôi đưa ông ấy trốn thoát, người Tây Sơn biết chuyện, đời nào họ để cho tôi được sống? Khi ấy ông có thể giảng nghĩa vua tôi để cứu tôi khỏi chết không? Sợ Chúa, sợ Thầy không bằng sợ Giặc, yêu Chúa không bằng yêu thân mình. Ông đừng nói lời thôi.

Khi Chúa bị Trang giải đi, Quán quì bên đường, lạy, khóc, kêu lớn:

– Trời ơi..! Tôi giết Chúa tôi..!

Chúa đứng lại, nói lời an ủi:

– Lòng trung của khanh “cô” đã biết, khanh đừng tự oán như thế.

Trên đường đi, trời nắng, Chúa Trịnh được cho vào ngồi nghỉ trong một quán nước bên đường. Chúa vớ được con dao của nhà hàng, cầm dao đâm vào cổ. Trang dâng được dao. Vết thương không lớn, Chúa dùng ngón tay móc cho vết thương lớn ra. Một lúc sau, Chúa đòi uống nước lạnh. Trang lấy nước cho Chúa uống. Chúa uống xong là gục xuống chết. Trang khiêng xác Chúa đến nộp cho quân Tây Sơn. Xác Chúa bị phơi ở cửa Tuyên Vũ thành Thăng Long cho mọi người thấy. Ngày Chúa Trịnh Khải chết là ngày 26 Tháng Sáu năm Bính Ngọ, 1786.

Quán đưa tiễn Chúa đến Hạ Lôi, ông ở lại đó mà không về nhà. Ông nói với ông chủ nhà trọ:

– Bề tôi mà làm hại vua, tội đáng chết. Nếu tôi không chết, không lấy gì tỏ được lòng tôi với Trời Đất. Nhờ ông giúp tôi: mua cho tôi một cỗ quan tài, mười vuông vải trắng, để tôi làm theo cái chí của tôi.

Chủ nhà hết sức can ngăn, Quán nói:

– Tôi đã muốn chết thì không thiếu gì cách chết. Ông nên giúp cho tôi được chết đường hoàng, sạch, đẹp. Tôi chịu ơn ông.

Biết không thể ngăn Quán, chủ nhà đành làm theo lời Quán. Quán nhờ người đào cái huyệt, cho quan tài xuống huyệt, xé vải trắng làm khăn và dây lưng. Quán chít khăn trắng, thắt dây lưng, quì hướng về phía nam, lạy hai lạy, rồi xuống huyệt, nằm vào quan tài, bảo chủ nhà đập nắp lại rồi lấp đất.

Đã nằm trong quan tài, Quán nói lời cuối:

– Tôi có câu này, ông nói dùm với con cháu tôi:

*Tam niên chí hiếu dĩ hoàn.
Thập phần chi trung vị tận.*

Nhờ ông bảo con cháu tôi viết hai câu ấy mà thờ tôi.

Lại nói:

– Đa tạ ông chủ. Vĩnh biệt ông.

Chủ nhà và năm, sáu người nhà cùng sụp lạy Quán trước huyệt, rồi đập nắp áo quan, lấp đất. Hôm ấy là ngày 29 Tháng Sáu năm Bính Ngọ, 1786, sau khi Chúa Trịnh Khải chết hai ngày.

Lý Trần Quán người làng Văn Canh, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khóa Bính Tuất, 1766, tính nết giản dị, chất phác, rất hiếu thảo. Trong khi chịu tang mẹ, Quán làm lều ở bên mồ ba năm liền, không ăn thịt cá, thân xác gầy rạc, chỉ còn da bọc xương.

Ông thường nói:

– Những việc ta làm trong đời ta chỉ có ba năm chịu tang là gần với đạo làm người.

*Tam niên chí hiếu dĩ hoàn.
Thập phần chi trung vị tận.
Đạo hiếu ba năm đã trọn.
Chữ trung mười phần chưa xong.*

Đây là chuyện ông Lý Trần Quán, người có tên đường ở khu Tân Định, Sài Gòn. Ông chết vì Chúa Trịnh, ông không chết vì nước. Cái chết của ông có màu sắc Quân Tử Tầu. Qua mấy ngàn năm lịch sử phong kiến Tầu, có nhiều ông Quân Tử Tầu chết những cái chết nếu không lăng nhách thì cũng lăng xẹt. Nhưng vì những cái chết lăng ấy tên tuổi các ông được ghi trong lịch sử. Xong không thấy có ông Quân Tử Tầu nào chết cái chết ly kỳ như ông Quân Tử Việt Lý Trần Quán.

Còn sống, tự vào nằm trong quan tài, cho người lấp đất, chịu ngạt thở cho đến chết. Khó lắm. Ai làm được như thế? Chỉ có ông Việt Nam Lý Trần Quán. Trung với Chúa là trung với Vua, đời xưa trung với vua là trung với nước, trung với dân. Người đời sau kính trọng ông Lý Trần Quán vì lòng trung của ông, lấy tên ông đặt tên đường.

Giặc Cộng vào Sài Gòn, bỏ tên đường Lý Trần Quán, thay vào đó là cái tên Mụ Việt Cộng Thạch thị Thanh, người Miên.

Với tôi, đường Lý Trần Quán mãi mãi là đường Lý Trần Quán, năm 1954 tôi hai mươi tuổi, tôi và người yêu đến đường Barbier ăn Chả Cá Sơn Hải, ăn phở, ăn miến gà Nhà hàng Ngọc Sơn; năm 1970 tôi bốn mươi tuổi, tôi và vợ tôi đến đường Lý Trần Quán ăn Chả Cá Sơn Hải, — Ông chủ tiệm Sơn Hải tôi quên tên, từng làm Steward Air France, Sơn Hải Chả Cá còn có món Ốc Hấp Lá Gừng đặc biệt Bắc Kỳ tuyệt cú mèo, và món Miến Cua, Cháo Cua; Chả Cá chân chính là phải có Cà Cuồng, Bà Chủ Sơn Hải tự tay dùng compte-goutte rỏ từng giọt Cà Cuồng vào chén mắm tôm ở bàn ăn trước mặt khách, Cà Cuồng Chả Cá Sơn Hải là Cà Cuồng Chính Cống, Thiên Nhiên, Thiên Tạo, được tính tiền từng giọt — (...)

Mời quý vị đọc tiểu truyện về Đại Úy Pháp Barbé, người có tên đường ở Sài Gòn; năm 1956 đường Barbé trở thành đường Lê Quý Đôn. Đường Lê Quý Đôn từ đường Hồng Thập Tự sang đường Hiền Vương, chạy sau Trường Nữ Học Marie Curie; Vila số 8 đường Lê Quý Đôn năm 1975 là Nhà USIS — United States Information Service — Sở Thông Tin Hoa Kỳ. Lúc 5 giờ chiều ngày 29 Tháng Tư, 1975, người anh em cùng vợ với tôi là Hoàng Hải Thủy cùng vợ con anh ra khỏi Nhà USIS; anh đưa vợ con anh đến đây chờ người Mỹ đưa đi khỏi Sài Gòn, nhưng, chuyện xưa quá dzối, đã kể nhiều lần..

Tiểu truyện Đại Úy Barbé là một chuyện tình.

Đây có thể là Cuộc Tình Pháp Việt Thứ Nhất trong Lịch Sử Việt Nam. Một chuyện Tình Bi Thảm — viết hoa 3 chữ T, B, T — Chuyện xảy ra năm 1860, quân Pháp mới chiếm Sài Gòn — khi ấy Sài Gòn chưa có tên là Sài Gòn — vùng này hoang vắng, toàn gò rạch và cây cỏ như rừng. Quân Pháp đóng trong mấy cái chùa của ta ở khu trung tâm về sau là những đường Hồng Thập Tự, Tự Do, Nguyễn Huệ, quân ta đóng ở vùng Kỳ Hòa, tức vùng sau này là Nhà Tù Chí Hòa, chợ Hòa Hưng, Trường Đua Phú Thọ. Đại Úy Barbé đóng quân trong chùa Khải Tường, chùa này năm xưa ấy ở khoảng đầu đường Lê Quý Đôn, gần đường Hồng Thập Tự.

Một hôm dẫn lính đi tuần ở ven sông. Đại Úy Barbé thấy một bè chuối trôi sông, trên bè có một người đàn ông Việt, một thiếu phụ Việt, cả hai cùng bị trói. Bè chuối rạt vào bờ sông, Đại Úy Barbé cho lính mang hai người từ bè chuối lên bờ, người đàn ông đã chết, người thiếu phụ hấp hối. Ông cho lính khiêng thiếu phụ về đồn, tức về chùa Khải Tường, nhờ y sĩ Pháp cứu cấp.

Thiếu phụ bị thả bè chuối trôi sông thoát chết. Chuyện truyền khẩu trong dân gian kể Nàng tên là Thị Ba, có nhan sắc, bị ép làm vợ một ông Lãnh binh Việt Nam. Trước khi làm vợ ông Lãnh binh, nàng có người yêu. Có chồng rồi nàng và người tình vẫn lén gặp nhau, họ bị ông Lãnh rình, bắt lúc họ đang tình tự, ông Lãnh trói họ, cho họ lên bè chuối, thả trôi sông cho chết.

Bè chuối trôi sông là một hình phạt ngày xưa: người có tội bị lột quần áo, trói tay chân, nằm trên bè chuối thả trôi trên sông. Bè chuối làm bằng những thân cây chuối. Thường là những cặp nam nữ can tội gian dâm bị trừng phạt bằng cách cho lên bè chuối, thả bè trôi sông, chịu nắng đói, khát mà chết.

Thị Ba được y sĩ Pháp cứu thoát chết, nàng sống trong đồn Khải Tường của quân Pháp. Đại Úy Barbé yêu nàng. Một thời gian sau nàng xin Đại Úy cho nàng về thăm nhà, Đại Úy cho nàng đi. Ông như phát điên khi được tin người ông yêu bị quân Việt Nam bắt. Ông ân hận vì ông đã cho phép nàng ra khỏi đồn. Ông tung người đi tìm xem nàng bị giam ở đâu để đến cứu nàng.

Một chiều gần tối, có người đến đồn báo Thị Ba trốn khỏi nơi giam giữ, đi về đồn Khải Tường nhưng bị quân Việt bắt lại ngay tại một chỗ gần đồn. Được tin, Đại Úy Barbé một mình, một súng, nhảy lên ngựa, phi đến chỗ ông được cho biết là nơi người yêu của ông đang bị giữ. Từ đồn Khải Tường, Đại Úy tới khoảng về sau là Công Trường Dân Chủ, Ngã Sáu Hiền Vương- Yên Đổ — Trần Quốc Toàn- Lê Văn Duyệt thì lọt vào ổ phục kích. Quân Việt xông ra dùng dao, mác đâm ông chết. Sáng hôm sau lính Pháp mới tìm thấy xác ông.

Chuyện dân gian không cho biết về sau số phận người thiếu phụ Việt tên là Thị Ba ra sao, chỉ biết chuyện Đại Úy Barbé bị quân Việt giết chết là chuyện thật. Chính quyền Pháp đặt tên con đường có Chùa Khải Tường-Đồn Lính Pháp là Đường Barbé. Chùa Khải Tường, cùng hai, ba chùa khác trong vùng, sau đó bị phá.

Năm 1955 đường Barbé đổi thành đường Lê Quý Đôn(...)

.

.

.

Phụ lục:

Tháng Sáu 2008, một tin trên Web nhắc đến chùa Khải Tường.

Bản tin tiếng Anh:

** During a trip to Ho Chi Minh City, Ambassador Michael Michalak visited the Museum of Vietnamese History to observe restoration of some of the museum's Buddha statues through the Ambassador's Fund for Cultural Preservation. Among 17 Buddha statues whose restoration was funded under this project, the one that impressed the delegation the most was the 19th century, Amitaba-wood statue from Khai Tuong Pagoda. This large statue, 196cm height and 135 cm in width, was carved out of the jackfruit tree and covered in red lacquer and emulsified gold. This statue was created at the behest of Emperor Minh Mạng (1820-1840). The Kh?i T??ng pagoda was formerly located in the area of the current Museum of War Memorials. The pagoda was destroyed by the French colonists in the 19th century.*

** Trong chuyến đến Thành phố Hồ chí Minh, Đại sứ Michael Michalak đến thăm Viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam để xem việc tu bổ một số Tượng Phật được thực hiện qua Quỹ Bảo Tồn Văn Hoá của ông Đại sứ. Trong số 17 bức Tượng Phật được tu bổ theo Quỹ nói trên, bức tượng làm phái đoàn Mỹ chú ý nhất là Tượng Phật Amitaba, nguyên là tượng của chùa Khải Tường. Bức tượng lớn này, cao 196 cm, bề ngang 135 cm, được tạc từ gỗ mít, sơn son, thếp vàng. Tượng này được làm theo lệnh của Vua Minh Mạng(1820-1840). Chùa Khải Tường trước nằm trong khu nay có Nhà Bảo Tàng Chiến Tranh; chùa bị những người thực dân Pháp phá hủy trong Thế kỷ 19.*

Théc méc: Tượng bằng gỗ mít cao 2 thước Tây không có chi lạ, nhưng có cây mít nào thân cây lớn đến 1 thước 50 phân không? CTHĐ

Nhất Nghệ Tinh

Posted on July 9, 2008 by hoanghaithuy

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.

Quân Tử Tầu nói, Quân Tử Ta nói theo: Người làm nghề gì giỏi thì được người đời khen, ca tụng. Đúng thay. Không những chỉ đúng mà còn là đúng không chịu được. Đây là bằng chứng:

— Ông bà Chủ Tiệm Bánh Mì Hòa Mã, tiệm Bánh Mì-Cà Phe khiêm nhường ở đường Cao Thắng, Sài Gòn, chỉ một đời bán Bánh Mì-Thịt Trứng-Cà Phe mà nay — những tháng đầu năm 2008 — sự tích Tiệm Hòa Mã, đời tư, hình ảnh ông bà được trang trọng đưa lên những Trang WEB, NET của người Việt ở hải ngoại. Sài Gòn trước 1975 có 4 triệu dân, đã mấy người được nói đến như ông bà Hòa Mã?

Bài Viết ở Rừng Phong hôm nay — July 10, 2008 — được viết gửi tặng những quý vị thân hữu từng góp ý với bài “*Sài Gòn Ngon Lắm, Sài Gòn ơi*” viết về chuyện Bánh Mì Sài Gòn trước năm 1975.



Bà Nguyễn Thị Tịnh, Hòa Mã Phu Nhân, nhất nghệ tinh, nhất thân lên WEB.

Tiệm Bánh Mì Hòa Mã ở đường Cao Thắng, đường Cao Thắng ở trong khu người Sài Gòn gọi là Bàn Cờ, nên nhân chuyện Tiệm Hòa Mã, quý vị thân hữu nhắc đến một số những cơ sở nổi tiếng trong khu Bàn Cờ như Kỳ Viên Tự, Tam Tông Miếu, Nhà Cho Mướn Truyện Cảnh Hưng, Trường Aurore, Cư Xá Đô Thành, Nhà Bảo Sanh Đức Chính, Xe Bánh Mì Tám Lự, Quán Bánh Tôm, Miến Lươn, Bánh Cuốn Cổng Xe Lửa Phan Đình Phùng, Rạp xi-nê Đại Đồng, Rạp Việt Long; một số quý vị kêu gọi mở một cái Club tên là *Bàn Cờ Club*.

Quý vị thân hữu thân mến Bàn Cờ Bàn Quạt Sài Gòn ơi, không phải năm nay, 2008, chỉ có quý vị viết linh tinh về Hòa Mã, Bánh Mì Sài Gòn và Bàn Cờ. Có sự xảy ra ngẫu nhiên là nhiều người Việt ở Mỹ, đã viết về Tiệm Bánh Mì Hòa Mã trước quý vị. Xin đơn cử một Trang WEB thôi: PHỐ XƯA.net. Tôi trích bài viết về ông bà Hòa Mã trong PHỐ XƯA.net gửi quý vị, những hình ảnh ông bà Hòa Mã, Tập Thơ Hoa Thề tôi cũng có của PHỐ XƯA.net.

Trước hết, mời quý vị đọc bài viết về Bánh Mì Hòa Mã đăng trên Tuần báo Pháp Luật của Việt Cộng Thành Hồ:

Tuần báo Pháp Luật. Trích: *Bánh Mì Sài Gòn*

Sài Gòn có nhiều món ăn rất riêng, khởi thủy là các món “ngoại lai, nhập cư” sau được “Sài Gòn hóa”. Những món ăn đặc biệt Sài Gòn đó không chỉ Sài Gòn ở khẩu vị, ở cách chế biến mà ở cả cách ăn, cách kinh doanh. Bánh mì là một trong số thực phẩm đó. Ổ bánh mì thịt Sài Gòn đã từ Sài Gòn đi khắp nơi trong nước. nó theo người Việt sang nhiều quốc gia khác trên thế giới.



Tiệm Bánh Mì HOÀ MÃ, ảnh năm 1960.

Gần Ngã Tư Cao Thắng — Nguyễn Đình Chiểu có một tiệm bán bánh mì nhỏ với bảng hiệu Hòa Mã cũ kỹ, phai màu theo năm tháng, đã tồn tại 50 năm kể từ ngày thành lập. Nhiều người khẳng định chủ nhân Hòa Mã là người đầu tiên bán những ổ bánh mì thịt kiểu Sài Gòn.

Bà Nguyễn Thị Dậu, chủ nhân hiệu bánh mì Như Lan hiện nay, cho biết ngày xưa bà rất mê bánh mì Hoà Mã. Lúc nhỏ, bà Dậu thường đến mua bánh mì Hòa Mã và ước ao ngày nào đó mình cũng có một cửa hàng bán bánh mì như tiệm Hòa Mã.

Sài Gòn từ trước năm 1958 đã có những cửa hiệu bánh mì của người Pháp. Họ bán bánh ngọt, bánh mì theo “gu” Pháp để phục vụ chủ yếu dân Tây. Bánh mì Tây là loại đặc ruột, tuý hình dáng mà được gọi tên, bánh mì gối là do tròn lớn như cái gối. Và thịt nguội tiệm Tây được bán riêng cho người mua.

Năm 1954, vợ chồng ông Lê Minh Ngọc, bà Nguyễn Thị Tịnh, di cư vào Nam. Trước đó, bà Tịnh đã làm cho hãng thịt nguội chuyên cung cấp sản phẩm cho các nhà hàng Pháp ở Hà Nội. Khi vào Sài Gòn, hai ông bà đã có sẵn ý định mở cửa hàng bán bánh mì, thịt nguội để cung cấp cho người Việt trong khu vực. Thế là ra đời, năm 1958, cửa hàng bánh mì thịt nguội mang tên Hoà Mã, tên một làng ở ngoại ô Hà Nội, tại số 511 Phan Đình Phùng, nay là Nguyễn Đình Chiểu, Q.3. Sau đó hai năm, tiệm dời về số 53 Cao Thắng cho đến nay.

Ban đầu, tiệm cũng bán bánh mì riêng, thịt nguội riêng, ăn tại chỗ hoặc mang về. Nhưng người mua thường là công chức, thợ thuyền, sinh viên, học sinh không có nhiều thời gian vào buổi sáng để nhẩn nha ngồi ăn ở tiệm. Thế là Hoà Mã làm ổ bánh mì vừa đủ cho suất ăn sáng dài hơn gang tay, nhét thịt, chả lụa, pa-tê vào giữa để người mua tiện mang theo vào sở làm, lớp học.

Lúc đó, tiệm Hoà Mã gọi ổ bánh mì thịt của mình là cát-cút, có lẽ dùng theo từ Pháp casse-croute, tức bữa ăn lót dạ, bữa ăn qua loa, thật ra, tên gọi đúng của bánh mì kẹp thịt là sandwich. Những năm 1960 giá bán một ổ bánh mì Hòa Mã là 3 — 5 đồng, ổ lớn có bơ tươi thì 7 — 10 đồng.

Ngày xưa, các vị công chức ở vùng Bàn Cờ, Cư Xá Đô Thành rất thích ăn bánh mì Hoà Mã. Bà Tịnh vốn xuất thân làm thịt nguội cho hãng Tây ở Hà Nội trước năm

1954 nên vẫn giữ “gu” Pháp cho thịt bánh mì Hoà Mã suốt 50 năm. Nhiều người Việt ở nước ngoài về thăm quê hương thường ghé lại Hoà Mã để thưởng thức hương vị bánh mì thịt không thể nào quên.

Người miền Nam thường thích ăn món gì cũng có tí rau. Vì vậy ổ bánh mì được cho thêm vài lát dưa leo, củ cải trắng, cà rốt cắt sợi ngâm chua, thêm vài cọng hành, ngò để có hương thơm, vài khoanh ớt cay vừa ăn vừa hít hà mới khoái.

Ăn ổ bánh mì thịt có đủ mùi thơm giòn của vỏ bánh, vị ngọt của bột mì, béo của bơ, hương vị thịt, chả, pa-tê như một bản phối tròn trịa sắc màu nhưng không hề ngán bởi có rau dưa tươi mát. Và điều quan trọng của ổ bánh mì thịt Sài Gòn là ngon, rẻ, tiện lợi cho tất cả mọi tầng lớp.

Một thời gian sau, nhiều hiệu bánh mì thịt bắt đầu xuất hiện ở thành phố. Bánh mì không dừng lại ở món điểm tâm nữa, nó được dùng cả ở bữa trưa, chiều, tối.

Quang Tâm

Đến đây là những Điện Thư trong PHỐ XƯA.net:

Anh Vũ giới thiệu tiệm Bánh Mì Hòa Mã xưa nghe rất thích, làm Mai Anh tò mò nên sáng nay tìm đến tiệm Hòa Mã trước là quan sát, sau là mua luôn mấy ổ về cho cả nhà ăn thử. Ai cũng khen ngon, Mai Anh vừa ăn bánh vừa gõ bài. Ổ bánh mì Hòa Mã ăn ngon hơn ổ bánh mì Như Lan. Hỏi thăm người bán thì được biết ông bà Minh Ngọc vẫn sống ở căn nhà riêng trong xóm gần tiệm. Ông bà sống trong căn nhà này từ năm 1954.

Tiệm Hòa Mã có ở đường Cao Thắng từ năm 1960 đến nay là 2008 mà không có gì thay đổi, không sửa sang, không phát triển, bảng hiệu bạc phếch màu sơn, mọi thứ vẫn đặt đúng vị trí như tấm hình của anh Vũ. Muốn chụp ảnh Hòa Mã ngày nay gửi tặng quý vị ở xa, nhưng đồng người quá, Mai Anh ngại không dám chụp.

Cảm ơn Bác Vũ đã cho biết một địa chỉ “ẩm thực” ngon. Còn tiệm nào nữa đăng nốt luôn đi, Bác Vũ. Mai Anh

Thư của một vị hiện sống ở Sài Gòn, tôi không lấy được tên, trên PHỐ XƯA.net:

* Không biết các vị có ai thích bánh mì bì hay không?

Tôi biết có một chỗ rất tuyệt, hình như cũng mới xuất hiện khoảng vài năm nay thôi. Tiệm nằm ở góc đường Điện Biên Phủ-Mai thị Lựu, 25 Điện biên Phủ. Chỉ bán buổi sáng, không bán chủ nhật, với số bánh có hạn, khoảng mười giờ thì đã hết hàng. Ổ bánh mì bì mua đem về, giá khoảng 4000đ/1 ổ. Chủ nhân là một bà khoảng 60 tuổi. Cái đặc biệt là khách đến mua không phải chen lấn và tự giác đợi đến phiên mình, vì khi bạn dừng xe lại thì hình như chủ nhân đã ghi nhận được và hãy thông thả chờ đợi, không bao giờ sai thứ tự. Tôi thấy có người mua cả chục ổ, cũng có người mua một ổ nhưng không hề có tiếng phàn nàn nào ở đây.

Nếu có thích bánh mì bì thì hãy ghé thử xem! Chúc ngon miệng!

* Cảm ơn anh Thành đã giới thiệu giùm một nơi có món ăn ngon. Úi cha, nghe bánh mì bì tôi cũng phát thèm rồi, không biết bây giờ người ta có chan nước mắm lên bánh mì bì không ha?

Hình trắng đen phía trên chụp tiệm Hòa Mã không thấy lề đường. Ngày xưa lề đường này rộng lắm, gấp rưỡi bây giờ, bởi vậy ông bà Hòa Mã kê thêm bàn ra lề đường và cả bên hẻm, vì trong tiệm chật

quá. Tôi thích ngồi ăn ở lề đường hơn trong tiệm, hồi đó ít xe cộ ít bụi bặm, ngồi ở ngoài thoáng mát hơn.

Ông Hoàng Hải Thủy nhớ lắm một chi tiết, nhìn sang bên kia đường Phan Đình Phùng là Tam Tông Miếu, đứng ra Tam Tông Miếu nằm trên đường Cao Thắng, phía bên kia đường, xế khoảng 100m với tiệm Hòa Mã. Trước kia, ngay bờ tường Tam Tông Miếu còn thấy một ngôi mã hoang nằm chắn ngang lề đường, sau này (khoảng năm 62, 63) chính quyền mở rộng lòng đường, cắt lề đường thật vào như ngày nay, ngôi mã đó bị dời đi mất.

Bây giờ đọc sách mới biết người nằm trong ngôi mã đó là Huỳnh Công Lý, phó tổng trấn Gia Định thành, có con gái được tuyển vào cung, vì ý thể là cha vợ của vua Minh Mạng nên lộng quyền nhũng nhiễu hại dân. Tả quân Lê Văn Duyệt dùng đặc quyền “tiền trăm hậu tấu” của vua Gia Long ban, chặt đầu Huỳnh Công Lý ướp muối gửi về Huế với cáo trạng. Còn cái xác không đầu thì chôn tại đó.

PHỐ XƯA. net. Người viết Hồ Đình Vũ.

Người Gái Quê. Trích bài Tựa *HOA THỀ* của Phạm Duy

Chẳng hạn trong bài thơ Tâm Sự Gửi Về Đâu của Lê Minh Ngọc trong thi phẩm Hoa Thề vào lúc Việt Nam bị chia đôi, một đôi uyên ương phải chia lìa, người ở lại miền Bắc, người di cư vào miền Nam, họ hẹn nhau: "Hẹn mai về, hẹn mai về, xuân rồi xuân quạnh quê. Người gái quê, người gái quê, xuân buồn xuân vắng vẻ.." (trích bài viết của Phạm Duy.)

Không biết “người gái quê” ở lại miền Bắc của Thi sĩ Lê Minh Ngọc có thật không, hay chỉ là một nhân vật hư cấu trong bài thơ Tâm Sự Gửi Về Đâu, còn “bà vợ quê” bên cạnh ông là một người đàn bà hiền lành, phúc hậu, đảm đang. Ông bà Lê Minh Ngọc là chủ nhân tiệm bánh mì Hoà Mã ở Sài Gòn ngay từ sau 1954, đầu tiên tiệm ở trên đường Phan Đình Phùng, giờ là Nguyễn Đình Chiểu, khoảng đầu thập niên 60 dời về Cao Thắng.

Có lẽ trước kia ông bà ở phố Hoà Mã ngoài Hà Nội, khi vào Sài Gòn mở tiệm bánh mì lấy tên đó để hoài niệm làng quê. Bà Lê Minh Ngọc là người điều hành tiệm bánh mì, ông chỉ phụ giúp. Tiệm bánh mì Hoà Mã nhỏ xíu, phải kê thêm bàn ngoài vỉa hè, nhưng phục vụ rất thanh lịch. Những món để ăn với bánh mì như thịt nguội, xúc xích, jambon, pate, bơ... được bày trong đĩa trắng phau, bánh mì trước khi đưa ra cho khách được nướng lại rồi đựng trong basket nhỏ, bên cạnh ổ bánh mì nóng có dao nĩa được gói trong khăn trắng. Bà vẫn khăn kiểu Bắc xưa, răng nhuộm đen nhánh, lúc nào cũng bận rộn. Ông cao hơn bà cả cái đầu, phong cách ung dung thông thả, chỉ phụ bà trong việc đưa thức ăn ra bàn cho khách, và có khi ngồi lại ở bàn của khách quen để ôn lại chuyện xưa quê nhà, nói chuyện chính trị, thời tiết, văn chương...



Thi sĩ Lê Minh Ngọc,
Tranh Vẽ của Họa sĩ TẠ TỴ.

Bố tôi là một trong những khách quen của ông, đã được ông tặng tập thơ Tâm Sự Gửi Về Đâu in trên giấy lụa khi tập thơ này vừa phát hành. Tập thơ khá dày, do họa sĩ Tạ Tỵ trang trí, hình của tác giả được minh họa ở trang đầu.

Khi đó tôi còn bé lắm, chỉ mới học tiểu học chưa biết thưởng thức thơ, nhưng thỉnh thoảng cũng mượn bố tôi tập thơ Hoa Thề, nói là để đọc, nhưng thật ra là để sờ, để vuốt những tờ giấy lụa mịn màng cho sướng ngón tay. Còn nhớ ngắm hình ông Lê Minh Ngọc do họa sĩ Tạ Tỵ vẽ, tôi thấy hơi giống ông nhưng lạ lạ, cái cảm vẽ xương xẩu hơn cảm thật, cặp kính cận

to quá không giống kính thật ông đeo... Những bài thơ trong đó thì tôi hoàn toàn không nhớ gì hết.

Sau này sống xa nhà, thỉnh thoảng nghe bài Tâm Sự Gửi Về Đâu, tôi mới cảm nhận được phần nào tâm sự của ông Lê Minh Ngọc năm xưa.

Tôi nhớ góc đường có tiệm bánh mì nhỏ ấm cúng, bên chiếc bàn kê ngoài vỉa hè đó có thằng bé được ngồi ăn với bố trên đường bố chở đi học trong sáng sớm Sài Gòn se lạnh, có bà chủ tiệm phúc hậu đôi khi xếp vài miếng thịt nguội vào cái đĩa nhỏ, nói ông đem ra cho thằng bé ăn thêm, có ông chủ tiệm cao lớn vui tính cười nói to tiếng, nhìn ông đâu ai biết ông là một thi sĩ, đã từng có tâm sự mà chẳng biết gửi về đâu.

Giờ nghe nhạc phổ thơ ông, tôi thấy lại những hình ảnh đẹp của thời thơ ấu...

Ngoài việc là Chủ Nhân Bánh Mì Hòa Mã, ông Lê Minh Ngọc còn là Thi sĩ. Mời quý vị đọc một bài thơ của ông:

Tâm sự gửi về đâu?

Thơ Lê Minh Ngọc.

Thi phẩm **HOA THÈ**

*Ngoài ấy tuổi xuân lạnh
Rét căm lòng cỏ hoa.
Em nhìn mây không cánh,
Bay về phương trời xa.
Nghẹn ngào Em thầm hỏi:
– Người đi có nhớ nhà.*

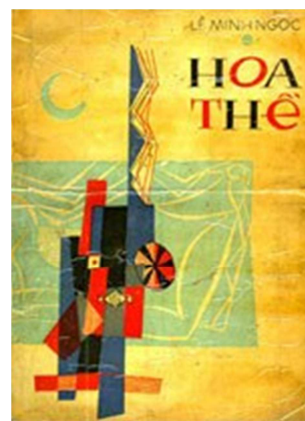
*Ra đi mùa xuân ấy
Mây hồng bay cuối thôn
Hoa vàng cài trên tóc
Em thơ ngây mắt buồn.*

*Trời sáng trong lòng Anh,
Vực sâu vương mắt Em.
Hai đứa hai tâm sự,
Xa nhau như ngày đêm.*

*Hẹn mai về, mai về !
Xuân rồi xuân quanh quẽ.
Thương người em gái quê,
Xuân, buồn xuân vắng vẻ.*

*Hoa nắng đường anh đi,
Bước dài dài thương nhớ.
Em xa giờ nghĩ chi?
Mây trùng dương cách trở.*

*Ngày sau nước mắt rơi trên đá,
Ai kể chuyện mình, ai nhớ thương?*



Thi phẩm HOA THÈ của
Thi sĩ Lê Minh Ngọc

Mèn ơi.. Đọc Thơ Sài Gòn Xưa mà cảm khái cách gì. 40 năm trước khi tôi có dịp được gặp Thi sĩ Lê Minh Ngọc, được ông — vài lần — chính tay làm đĩa Chả Trứng

cho ăn, được theo ông — nhiều lần — đi hạ Cờ Tây, đi Hít Tô Phe, được cùng ông đi dzự cái gọi là Khóa Bồi Dưỡng Chính Trị cho Văn Nghệ Sĩ Sài Gòn Gà Què Kẹt Giở Tháng Bảy năm 1976, những năm ấy vì ngu dzại, vì vô cảm, vì cuộc đời tôi chưa có bao nhiêu đắng cay, đau thương, mất mát, tôi thấy Thơ Lê Minh Ngọc cũng thường thôi. Nay lưu lạc quê người, sống những ngày cuối đời biệt xứ, đọc Lời Thơ Xưa tôi thấy hay quá là hay. Tuyệt diệu hảo từ. Tôi không biết làm Thơ nhưng đọc Thơ Hoa Thề, tim tôi thổn thức, tôi không thể không làm Thơ. Thơ tôi:

*Biệt xứ đường anh đi,
Bước dài dài thương nhớ.
Chẳng hẹn nhau ngày về,
Mây trùng dương cách trở.
Năm Tư anh xa quê,
Sài Gòn còn đỡ đỡ.
Năm nay sang Hoa Kỳ.
Mèn ơi..! Xa quá cỡ!*

*Nhớ ơi, Tân Định, Bàn Cờ
Sài Gòn Em có bao giờ nhớ anh?
Anh đi, Em ở lại Thành.
Cái dzưa thì khú, cái hành thì thâm!*

Mời quý vị đọc Thư của Tâm Bùi, June 24th, 2008, trên www.hoanghaithuy.com:

Cám ơn Ông HHT, tôi là “fan” của ông từ thời VNCH, tôi không bỏ một bài viết nào của ông trên Website này. Tôi là người ở đường Phan Đình Phùng, ngã tư Cao Thắng từ ngày tôi được bố mẹ tôi bông đi di cư từ Bắc vào Nam, tôi sống ở đó cho đến ngày tôi phải bỏ nước ra đi. Bài *Sài Gòn Vang Bóng* gọi cho tôi thấy cả một trời kỷ niệm. Tôi nhớ nhà cô Thái Thanh ở cách nhà tôi một căn, cách nhà Dì tôi 3 căn. Nhà Dì tôi là tiệm may Bích Lộc, cách tiệm bánh mì Hòa Mã một con đường nhỏ. Gần như sáng nào tôi cũng được ăn bánh mì Hòa Mã, kể cả những năm tôi học Trường Gia Long. Nay đọc bài viết tôi mới biết là bánh mì Hòa Mã hãy còn, vẫn ở chỗ cũ, lần tới về Sài Gòn tôi sẽ trở lại thăm bánh mì Hòa Mã. Tôi yêu Sài Gòn lắm, Sài Gòn là quê hương của tôi dù tôi được sinh ra ở Hải Dương.

SauUt, June 25th, 2008:

Tôi nghe nói cách đây vài tháng tiệm Hòa Mã đã được sang bán cho chủ khác và bây giờ pa-te thịt nguội gì ở đấy cũng dỡ ẹc rồi.

Đến đây tạm chấm dzứt Chương Trình Văn Nghệ Bánh Mì Sài Gòn Pa-te Dzăm Bông.